TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/DS-PT
Ngày 19 - 9 - 2018
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đinh Huy Lưỡng
Các Thẩm phán: + Ông Nguyễn Tử Lượng
+ Ông Trịnh Việt Thanh

-Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Len, Thẩm tra viên, Tòa án tỉnh Ninh Bình

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa*:**
Bà Bùi Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 19 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ L số 10/2018/TLPT-DS ngày 08 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp về thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐPT-DS ngày 06 tháng 8 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/QĐ-PT ngày 29 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*Ông Phạm Văn H; Sinh năm 1963.
Địa chỉ: Xóm 3, xã K, huyện Y , tỉnh Ninh Bình.

- *Bị đơn:*Bà Lê Thị T; Sinh năm 1952
Địa chỉ: Xóm 4, xã K, huyện Y ,tỉnh Ninh Bình.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị H1; Sinh năm 1976.
Địa chỉ: Xóm 3, xã K, huyện Y , tỉnh Ninh Bình

2. Anh Phạm Thanh B; Sinh năm 1982.
Địa chỉ: Xóm 4, xã K, huyện Y ,tỉnh Ninh Bình

3. Anh Phạm Văn P; Sinh năm 1984.
Địa chỉ: Xóm 4, xã K, huyện Y ,tỉnh Ninh Bình

4. Anh Phạm Văn N1; Sinh năm 1986.

Địa chỉ: Xóm 4, xã K, huyện Y ,tỉnh Ninh Bình

5. Bà Phạm Thị T1; Sinh năm 1966.
Địa chỉ: Xóm 4, xã K, huyện Y ,tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện H6 pháp có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T1

Ông Phạm Văn H; Sinh năm 1963.
Địa chỉ: Xóm 3, xã K, huyện Y , tỉnh Ninh Bình (Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 21/8/2018).

6. Anh Phạm Văn L1; Sinh năm 1986.
Địa chỉ: Xóm 1, xã K1, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện H6 pháp có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn L1

Bà Nguyễn Thị T2; Sinh năm 1964.
Địa chỉ: Xóm 1, xã K1, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 21/8/2018).

7. Anh Phạm Duy T3; Sinh năm 1988.
Địa chỉ: Xóm 1, xã K1, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện H6 pháp có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phạm Duy T3

Bà Nguyễn Thị T2; Sinh năm 1964
Địa chỉ: Xóm 1, xã K1, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 22/8/2018).

8. Anh Phạm Văn T4; Sinh năm 1993.
Địa chỉ: Xóm 1, xã K1, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện H6 pháp có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn T4

Bà Nguyễn Thị T2; Sinh năm 1964
Địa chỉ: Xóm 1, xã K1, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 22/8/2018).

9. Bà Nguyễn Thị T2; Sinh năm 1964.
Địa chỉ: Xóm 1, xã K1, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

10. Bà Phạm Thị V; Sinh năm 1957.
Địa chỉ: Xóm 1, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình

11.Chị Phạm Thị H5; Sinh năm1966.
Địa chỉ: Thôn 9, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

12. Bà Phạm Thị H2; Sinh năm 1971.
Địa chỉ: Thôn H3, xã S, huyện H, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện H6 pháp có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H2

Ông Phạm Văn H; Sinh năm 1963.
Địa chỉ: Xóm 3, xã K, huyện Y , tỉnh Ninh Bình (Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 20/8/2018).

- *Người kháng cáo:*

Bị đơn:Bà Lê Thị T; Sinh năm 1952.
Địa chỉ: Xóm 4, xã K, huyện Y ,tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt: ông H, bà T, bà H1, bà T2, bà H5. Vắng mặt anh B, anh P, anh Nam, anh L1, anh T3, anh T4, bà V, bà T1, bà H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 10 năm 2017, các bản tự khai của nguyên đơn ông Phạm Văn H trình bày:

Ông Phạm Văn H là con đẻ của cụ Phạm Văn L và và cụ Nguyễn Thị T5. Cụ L và cụ T5 có 08 người con đẻ gồm: ông Phạm Văn B1, ông Phạm Văn H6, bà Phạm Thị V, ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị H5, bà Phạm Thị T1, bà Phạm Thị H2 và bà Phạm Thị H1 không có con riêng, con nuôi. Cụ T5 chết năm 2009, cụ L chết năm 2015.Sau khi chết, cụ L và cụ T5 có để lại tài sản là 275 m^2 đất, tại thửa số 618 tờ bản đồ số 2 xã K; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Văn L do Ủy ban nhân dân huyện K2 cấp ngày 25/8/1994. Cụ L và cụ T5 khi chết không để lại di chúc. Thời điểm các con của cụ L và cụ T5 còn nhỏ, cụ L đã xây 03 gian nhà tạm quay hướng Tây và 04 gian nhà quay hướng Nam (đã xây dựng 01 gian còn 03 gian chưa hoàn chỉnh mới xây cao bằng khấu được 02 mét), để cụ L và cụ T5 và các con sinh sống. Trong khoảng thời gian từ năm 1980 đến năm 1989 vợ chồng ông Phạm Văn B1 và bà Lê Thị T ở cơ quan về nghỉ chế độ. Do không có chỗ ở nên ông B1 và bà T đã bỏ tiền xây dựng, hoàn thiện 03 gian nhà đã xây bằng khẩu để sử dụng. Các con của cụ L và cụ T5 lần lượt xây dựng gia đình và ra ở riêng còn lại vợ chồng ông B1, bà T và các con của ông B1, bà T ở chung với cụ L và cụ T5. Năm 1997, ông B1 phá đi 1 gian mái ngói, các anh chị em đóng góp kinh phí và cùng nhau xây dựng hoàn chỉnh 01 gian mái bằng. Năm 2004, vợ chồng ông B1, bà T sửa chữa nâng cấp lại 01 gian nhà bếp. Năm 2009, cụ T5 chết, vợ chồng ông B1, bà T ở với cụ L. Năm 2013, ông B1 chết. Năm 2015 nguyện vọng của cụ L là muốn phân chia tài sản cho các con, đồng thời phân định chỗ thờ cúng để làm từ đường sau này nên cụ L đã thống nhất họp gia đình cùng các con trai gái để phân chia tài sản của Cụ L và cụ T5 nhưng bà T vợ ông B1 không nhất trí, hai bên xảy ra tranh chấp. Sau đó, ông L chết khi chưa kịp phân chia tài sản cho các con. Nay ông Phạm Văn Hlàm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế là 275 m^2 đất của Cụ L và cụ T5 theo qui định của pháp luật.Ông H đề nghị được chia diện tích đất cho ba người gồm: ông H, bà H1 và con của ông H6 là anh L1, anh T3, anh T4, được quyền sử dụng chung một diện tích đất tại vị trí như trong biên bản họp gia đình mà cụ L đã phân chia cho ông H6 và ông Hvới kích thước: Chiều phía Nam giáp đường rộng là 5 mét, chiều phía Tây giáp đường đi dài 17,3 mét, chiều phía Bắc rộng 5 mét, chiều phía Đông giáp đất còn lại của ông L dài 17,3 mét, diện tích là 86,5 m^2. Vị trí phần đất về phía tây của thửa đất. Theo quy định của pháp luật thì kỷ phần thừa của ba người là hơn 103 m^2 nhưng ông H chỉ đề nghị chia cho ba người nêu trên là 86,5m^2 đất và giao cho ông Hđứng tên quyền sử dụng đất.Việc thanh toán giá trị

tài sản thừa kế cho nhau do các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Diện tích theo kỷ phần còn lại ông H để lại cho bà T sử dụng, để bù vào công sức của bà T trông coi tài sản khi ở cùng với cụ L và cụ T5. Trên phần đất được chia cho ông H có các tài sản của bà T gồm: Hai bế nước, sân bê tông, tường rào, trụ cổng, cánh cổng, kho bếp và công trình vệ sinh, bế phốt, cây hồng xiêm, dàn hoa thiên lý và bên trên cửa hông phía Tây nhà bà T đi xuống bếp có tấm chắn mưa đua sang phần đất được chia cho ông H. Tổng giá trị tài sản của bà T theo định giá của Hội đồng định giá là 23.148.000 đồng, ông H đề nghị được mua lại tài sản trên của bà T và ông H đại diện cho ba anh em, sẽ thanh toán toàn bộ giá trị tài sản trên cho bà T; ngoài số tiền đền bù theo giá trị đã định giá, ông H hỗ trợ thêm cho bà T với số tiền là 6.852.000 đồng.Tổng số tiền bồi thường và hỗ trợ về tài sản cho bà T là 30.000.000 đồng. Những tài sản của bà T không còn giá trị là: Cánh cổng, trụ cổng, tường rào, sân bê tông và tấm chắn mưa trên cửa nhà phía tây của nhà bà T đi xuống bếp thì yêu cầu bà T phải tháo dỡ vì ông H cũng không thể sử dụng được những tài sản này. Ngoài ra, ông H không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ngày 16/01/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H1 trình bày:

Bà Phạm Thị H1 thống nhất với nội dung trình bày của nguyên đơn. Bà H1 đề nghị Tòa án chia thừa kế cho bà H1 được hưởng thừa kế quyền sử dụng đất của bố mẹ sau khi chết để lại và đề nghị được chia chung với ông H và ông H6 vào một phần đất như ông H đề nghị. Bà H1 giao cho ông Hđứng tên sử dụng đất chung, việc thanh toán giá trị tài sản thừa kế cho nhau do các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Diện tích theo kỷ phần còn lại, bà H1 để lại cho bà T sử dụng, để bù vào công sức của bà T trông coi tài sản khi ở cùng với cụ L và cụ T5. Đối với tài sản của bà T xây dựng trên phần đất được chia thừa kế cho ba anh em, bà H1 đề nghị để cho ông H mua lại với giá trị mà Hội đồng định giá tài sản đã định giá là 23.148.000 đồng. Ngoài số tiền đền bù theo giá trị đã định giá, bà H1 cùng với ông H xin được hỗ trợ thêm cho bà T với số tiền là 6.852.000 đồng, thành tổng số tiền bồi thường và hỗ trợ về tài sản cho bà T là 30.000.000 đồng và do ông Htrực tiếp trả cho bà T. Đối với các tài sản khác của bà T không còn giá trị gồm: Cánh cổng sắt, tường rào, trụ cổng, sân bê tông và tấm chắn mưa của cửa phía Tây của nhà bà T yêu cầu bà T phải tháo dỡ. Ngoài ra bà H1 không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ngày 16/01/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:, anh Phạm Văn L1; anh Phạm Duy T3; anh Phạm Văn T4 do bà Nguyễn Thị T2 là người đại diện H6 pháp trình bày:

Bà Nguyễn Thị T2 thống nhất với nội dung trình bày của nguyên đơn. Bà T2 đề nghị Tòa án chia thừa kế cho anh Phạm Văn L1, anh Phạm Duy T3, anh Phạm Văn T4 là những người được hưởng thừa kế của ông Phạm Văn H6 (ông H6 là bố đẻ anh Phạm Văn L1, anh Phạm Duy T3, anh Phạm Văn T4 đã chết năm 2013) quyền sử dụng đất của cụ L và cụ T5 sau khi chết để lại và đề nghị được chia chung với ông Hvà bà H1 vào một phần đất như ông Hđề nghị. Bà T2 giao cho

ông Hđứng tên sử dụng đất chung, việc thanh toán giá trị tài sản thừa kế cho nhau do các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Diện tích theo kỷ phần còn lại mà ông H6 được hưởng, bà T2 để lại cho bà T sử dụng, để bù vào công sức của bà T trông coi tài sản khi ở cùng với cụ L và cụ T5. Đối với tài sản của bà T xây dựng trên phần đất được chia thừa kế cho gia đình bà T2 và ông H, bà H1, bà T2 đề nghị để cho ông H mua lại với giá trị mà Hội đồng định giá tài sản đã định giá là 23.148.000 đồng. Ngoài số tiền đền bù theo giá trị đã định giá, gia đình bà T2 cùng với ông H xin được hỗ trợ thêm cho bà T với số tiền là 6.852.000 đồng, thành tổng số tiền bồi thường và hỗ trợ về tài sản cho bà T là 30.000.000 đồng và do ông H trực tiếp trả cho bà T. Đối với các tài sản khác của bà T không còn giá trị gồm: Cánh cống sắt, tường rào, trụ cống, sân bê tông và tấm chắn mưa của cửa phía Tây của nhà bà T, bà T2 yêu cầu bà T phải tháo dỡ. Ngoài ra bà T2 không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ngày 16/01/2018 người có quyền lợi liên quan là bà Phạm Thị V trình bày:

Bà V là con đẻ của cụ L và cụ T5. Khi còn sống cụ L và cụ T5 có một mảnh đất diện tích là 275 m^2, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ T5 chết năm 2009 không để lại di chúc, cụ L chết năm 2015. Trước khi chết cụ L có lập di chúc chia cho ông H6 và ông H 90 m^2 đất ở phía Tây. Nay ông H khởi kiện chia thừa kế, về phần của bà V, bà V chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn phần của ông H, bà V đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Bà V từ chối tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt

Tại bản tự khai ngày 16/01/2018, người có quyền lợi liên quan là bà Phạm Thị H5 trình bày:

Bà H5 là con đẻ của cụ L và cụ T5. Khi còn sống cụ L và cụ T5 có một mảnh đất diện tích là 275 m^2, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ T5 chết năm 2009 không để lại di chúc, cụ L chết năm 2015. Trước khi chết cụ L có lập di chúc chia cho ông H6 và ông H90 m^2 đất ở phía Tây. Nay ông H khởi kiện chia thừa kế, về phần của bà H5, bà H5 chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn phần của ông H, bà H5 đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Bà H5 từ chối tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt

Tại bản tự khai ngày 16/01/2018, người có quyền lợi liên quan là bà Phạm Thị T1 trình bày:

Bà T1 là con đẻ của cụ L và cụ T5. Khi còn sống cụ L và cụ T5 có một mảnh đất diện tích là 275 m^2, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ T5 chết năm 2009 không đế lại di chúc, cụ L chết năm 2015. Trước khi chết cụ L có lập di chúc chia cho ông H6 và ông H90 m^2 đất ở phía Tây. Nay ông H khởi kiện chia thừa kế, về phần của bà T1, bà T1 chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn phần của ông H, bà T1 đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Bà T1 từ chối tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 16/01/2018 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông Hđại diện cho bà Phạm Thị H2 trình bày.

Bà H2 là con đẻ của cụ L và cụ T5. Khi còn sống cụ L và cụ T5 có một mảnh đất diện tích là 275 m^2, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ T5 chết năm 2009 không để lại di chúc. Cụ L chết năm 2015. Trước khi chết cụ L có lập di chúc chia cho ông H6 và ông H90 m^2 đất ở phía Tây. Nay ông H khởi kiện chia thừa kế, về phần của bà H2, bà H2 chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn phần của ông H, bà H2 đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về phía bị đơn là bà T và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là các con của ông B1 gồm anh B, anh P và anh Nam:

Tòa án cấp sơ thẩm đã thông báo về việc thụ L vụ án, triệu tập đương sự và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần hợp lệ, nhưng bà T, anh B, anh P và anh N1 đều vắng mặt không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai của bà T, anh B, anh P và anh Nam tại cấp sơ thẩm.

Tại văn bản ngày 06/3/2018 ông Phạm Hải Duy, cán bộ địa chính xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình trình bày:

Căn cứ hồ sơ quản L đất đai tại xã K thể hiện theo bản đồ năm 1994 tổng diện tích đất nhà ông Phạm Văn L là 275m^2. Trong đó đất ở là 200m^2, đất vườn là 75m^2. Phần đất ở nằm giáp đường trục xã, phần đất vườn phía sau giáp với phần đất nhà bà B2.

Tại văn bản ngày 06/3/2018 ông ông Phạm Quốc Hoàn, trưởng công an xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình trình bày:

Cụ Phạm Văn L và cụ Nguyễn Thị T5 đã chết. Bố mẹ cụ L và bố mẹ cụ T5 đã chết rất lâu. Thời điểm chết không xác định được.

Tại Biên bản định giá tài sản ngày 21/12/2017, Hội đồng định giá đã định giá tài sản trên đất và giá trị quyền sử dụng đất tại thửa đất số 618, tờ bản đồ số 2 xã Kim Yên, huyện K2, tỉnh Ninh Bình mang tên ông Phạm Văn L như sau:

Tổng giá trị quyền sử dụng đất, thửa đất số 618, phụ lục 3 tờ bản đồ số 2, bản đồ địa chính xã K lập năm 1994 và tài sản trên đất là 288.675.000 đồng. Trong đó: Hai bể nước, sân bê tông, tường rào, trụ cổng, cánh cổng, kho bếp và công trình vệ sinh, bế phốt, cây hồng xiêm, dàn hoa thiên L và tấm chắn mưa có giá trị là 23.148.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị H1, anh Phạm Văn L1, anh Phạm Duy T3, anh Phạm Văn T4: Chia cho ông H, bà H1, anh L1, anh T3, anh T4 được hưởng di sản thừa kế của cụ Phạm Văn L và cụ Nguyễn Thị T5 sau khi chết đế lại và giao cho ông Phạm Văn Hđược đứng tên sử dụng đất, tài sản là 86,5 m^2 đất (trong đó có 52,5m^2 đất ở và 34 m^2 đất vườn), số thửa 618 số tờ bản đồ 02 xã K; địa chỉ thửa đất xóm 4, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; có vị trí, kích thước các chiều như sau:

- Phía Đông Nam giáp đường rộng 05 mét.
- Phía Tây Nam giáp đường đi dài 17,3 mét.
- Phía Tây Bắc giáp thửa 616 rộng 05 mét.
- Phía Đông Bắc giáp với phần đất còn lại của ông L dài 17,3 mét.

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn H; giao cho ông Phạm Văn Hđược quyền sở hữu các tài sản của bà Lê Thị T gắn liền với phần đất được chia cho ông H gồm: Kho bếp và công trình vệ sinh, bể phốt, 02 bể nước, 01 cây hồng xiêm, 01 dàn hoa thiên L. Ông Phạm Văn H có nghĩa vụ thanh toán tiền giá trị tài sản cho bà Lê Thị T với tổng số tiền là 30.000.000 đồng (trong đó tiền giá trị tài sản là 23.148.000 đồng, tiền tự nguyện hỗ trợ thêm là 6.852.000 đồng).

3. Chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn H: Buộc bà Lê Thị T phải tháo dỡ các tài sản trên phần đất được chia thừa kế cho ông H gồm: 02 cánh cổng sắt; 02 trụ cổng; sân bê tông; tường rào phía Tây và phía Nam và tấm chắn mưa bên trên cửa hông nhà phía Tây nhà ở của bà T đi xuống bếp, để trả lại quyền sử dụng đất cho ông H.

Ngoài ra bản án còn quyết định về trách nhiệm thi hành án, án phí, chi phí thẩm định tại chỗ, định giá và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 11/5/2018, bị đơn bà Lê Thị T kháng cáo bản án sơ thẩm số 03 ngày 19/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y về phần bồi thường thiệt hại về tài sản cho bà T là: Kho bếp và công trình vệ sinh, bể phốt, 02 bể nước xây dựng trên phần đất chia cho ông H, theo giá trị của Hội đồng định giá tài sản là quá thấp nên bà T không đồng ý với số tiền bồi thường của ông H là 30.000.000 đồng. Bà đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc ông H phải xây lại bếp, công trình vệ sinh bể phốt cho bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm. Bị đơn bà Lê thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không nhận số tiền 30.000.000 đồng mà buộc nguyên đơn ông H phải xây lại nhà bếp và công trình vệ sinh cho bà T. Ngoài ra bà T còn đề nghị, bà T thống nhất với giá của Hội đồng định giá những người thừa kế của cụ L, cụ T5 ai lấy đất thì trả tiền tài sản cho bà T theo giá của Hội đồng định giá và không được về thờ cúng nữa, còn ai không lấy đất thì không phải trả tiền và được về thờ cúng bình thường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã phân tích, nhận định về trình tự tố tụng và các tình tiết của vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Y. Về án phí phúc thẩm bà T được miễn án phí vì bà T là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn bà Lê Thị T có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Cụ L và cụ T5 có 08 người con đẻ gồm: ông Phạm Văn B1, ông Phạm Văn H6, bà Phạm Thị V, ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị H5, bà Phạm Thị T1, bà Phạm Thị H2 và bà Phạm Thị H1 không có con riêng, con nuôi. Ông Phạm Văn B1 mất năm 2013 (Trích lục khai tử số 87/TLKT ngày 18/4/2018), ông Phạm Văn B1 có vợ là Lê Thị T và các con đẻ là Phạm Thanh B, Phạm Văn P và Phạm Văn N1. Ông B1 không có con nuôi. Ông Phạm Văn H6 mất năm 2014 (Trích lục khai tử số 18/TLKT ngày 18/4/2018), ông Phạm Văn H6 có vợ là Nguyễn Thị T2 và các con đẻ là Phạm Văn L1, Phạm Duy T3 và Phạm Văn T4. Ông H6 không có con nuôi.

Cụ T5 chết năm 2009 (Bản sao Giấy chứng tử ngày 09/3/2015), cụ L chết năm 2015 (Trích lục khai tử số 40/TLKT ngày 14/3/2016).

Sau khi chết, cụ L và cụ T5 có để lại tài sản là quyền sử dụng đất 275 m^2, tại thửa số 618 tờ bản đồ số 2 xã K. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Văn L do Ủy ban nhân dân huyện K2 cấp ngày 25/8/1994**.** Cụ L và cụ T5 khi chết không để lại di chúc. Khi còn sống cụ L đã họp gia đình vào ngày 02/6/2015 phân chia tài sản là 275 m^2 đất, tại thửa số 618 tờ bản đồ số 2 xã K cho các con sử dụng. Nội dung việc phân chia được đa số những người thừa kế thống nhất, chỉ có bà Lê Thị T vợ ông B1 không thống nhất cách chia của cụ L. Như vậy, di sản của cụ L và cụ T5 là quyền sử dụng 275 m^2 đất, tại thửa số 618 tờ bản đồ số 2 xã K (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Văn L do Ủy ban nhân dân huyện K2 cấp ngày 25/8/1994) chưa được phân chia.

Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hvà những người có quyền lợi liên quan bà H1, anh L1, anh T3, anh T4 chia thừa kế theo pháp luật diện tích 275 m^2 đất, tại thửa số 618 tờ bản đồ số 2 xã K (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Văn L do Ủy ban nhân dân huyện K2 cấp ngày 25/8/1994) theo kỷ phần thừa kế của nguyên đơn ông H và những người có quyền lợi liên quan bà H1, anh L1, anh T3, anh T4 là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của cụ L và đa số các thừa kế khác theo nội dụng cuộc họp gia đình vào ngày 02/6/2015.

[3] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị T về phần bồi thường giá trị tài sản của gia đình bà T đã tạo lập trên phần đất Tòa án cấp sơ thẩm đã chia thừa kế cho nguyên đơn ông H và những người có quyền lợi liên quan bà H1, anh L1, anh T3, anh T4.

Bà T cho rằng giá trị các tài sản trên phần đất chia cho nguyên đơn ông H và những người có quyền lợi liên quan bà H1, anh L1, anh T3, anh T4 theo Hội đồng định giá là thấp, bà T không chấp nhận lấy số tiền 30.000.000 đồng mà yêu cầu ông H phải xây lại nhà bếp và công trình vệ sinh cho bà T. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Cấp sơ thẩm đã căn cứ vào giá trị thực tế các tài sản của gia đình bà T có trên diện tích đất được phân chia cho nguyên đơn ông H và những người có

quyền lợi liên quan bà H1, anh L1, anh T3, anh T4 đã được Hội đồng định giá xác định và sự tự nguyện hỗ trợ của ông H, bà H1, anh L1, anh T3, anh T4 để xác định giá trị bồi thường tài sản cho bà T là hợp tình, hợp lý và đúng quy định của pháp luật. Án sơ thẩm, buộc ông H phải thanh toán cho bà T số tiền 30.000.000 đồng là có cơ sở. Bà T kháng cáo không nhận tiền mà yêu cầu ông H phải xây lại nhà bếp và công trình vệ sinh cho bà T theo ý của bà T là không hợp lý và gây khó khăn cho việc thi hành bản án. Mặt khác, khi Hội đồng định giá xác định giá của các tài sản, bà T đã trực tiếp tham gia và biết rõ giá trị các tài sản này nhưng không thực hiện việc khiếu nại về giá cũng như không đề nghị Tòa án định giá lại. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo này của bà T không được chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Ninh Bình phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Các yêu cầu khác của bà T tại cấp phúc thẩm vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu, khi thời hạn kháng cáo đã hết nên không được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà T là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 609, Điều 610, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 651, Điều 652, Điều 660 Bộ luật Dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 179 Luật đất đai.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban THƯỜNG vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị T theo đơn kháng cáo ngày 11 tháng 5 năm 2018.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 19/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

2. Những phần bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu L1 pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị T không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà Lê Thị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2013/0001830 ngày 11/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình được hoàn trả cho bà Lê Thị T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 19 tháng 9 năm 2018**.**

Nơi nhận:
- Tòa án cấp cao tại Hà nội;
- Tòa án nhân dân huyện Y;
- Viện kiểm sát tỉnh Ninh Bình;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đinh Huy Lưỡng